

Số: 84a /QĐ-THPTND

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của trường THPT Nguyễn Du- Thanh Oai

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN DU- THANH OAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo duyệt quyết toán số 671/TB-SGDĐT ngày 10/3/2025 của trường Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu xét duyệt ngân sách năm 2024 của trường THPT Nguyễn Du – Thanh Oai (theo số liệu đính kèm).

Điều 2: Quyết định có hiệu lực từ ngày kí.

Điều 3. Bộ phận kế toán, các cá nhân và bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT .

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Sơn



Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Du-
Thanh Oai
Chương: 422

Biểu số 04

QUYẾT TOÁN THU – CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 84a/QĐ-THPTND ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Du- Thanh Oai)

ĐVT: 1000đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch
I	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	18.299.763	18.299.763	
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.299.763	18.299.763	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17.503.090	17.503.090	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.503.090	17.503.090	
	Kinh phí 8 tháng đầu năm theo định mức phân bổ ngân sách	10.795.511	10.795.511	
	Kinh phí ngân sách đặt hàng 4 tháng cuối năm 2024	6.680.089	6.680.089	
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	14.997	14.997	
	Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND Thành phố	12.492	12.492	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	796.673	796.673	
	*Chi nghiệp vụ	41.734	41.734	
	Kinh phí chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; học bổng cho người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính.	41.734	41.734	
	*Chi mua sắm	707.939	452.491	
	*Chi cấp bảo	47.000	47.000	

Số: 671 /TB-SGDĐT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO
Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông (THPT) Nguyễn Du - Thanh Oai
Mã chương: 422

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm (Thông tư số 137/2017/TT-BTC); Quyết định số 554/QĐ-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 137/2017/TT-BTC;

Căn cứ các Công văn của Sở Tài chính Hà Nội về việc hướng dẫn xử lý tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy: số 261/STC-TCHCSN ngày 14/01/2025; số 597/STC-TCHCSN ngày 24/01/2025;

Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 11/02/2025 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai và các tài liệu khác có liên quan.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 (không bao gồm quyết toán vốn xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung) của Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai như sau:

I. PHẦN SỐ LIỆU

1. Số liệu quyết toán

a) Thu phí, lệ phí (không phát sinh)

b) Quyết toán chi ngân sách

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 40.683.000 đồng.

- Dự toán được giao trong năm: 18.393.383.000 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 14.325.919.000 đồng;

+ Dự toán bổ sung trong năm: 4.067.464.000 đồng.

- Kinh phí thực nhận trong năm: 18.299.763.000 đồng;

- Kinh phí quyết toán: 18.299.763.000 đồng;

- Kinh phí huỷ dự toán trong năm: 19.087.000 đồng.

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 115.216.000 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không phát sinh.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán

a) Tổng kinh phí dự toán ngân sách giao thực hiện chế độ tự chủ: 17.618.306.000 đồng, chia ra:

- Kinh phí ngân sách đặt hàng 8 tháng đầu năm 2024: 10.795.511.000 đồng;
- Kinh phí ngân sách đặt hàng 4 tháng cuối năm 2024: 6.680.089.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND của HĐND Thành phố: 13.823.000 đồng;
- Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 128.883.000 đồng.

b) Kinh phí quyết toán ngân sách thực hiện chế độ tự chủ: 17.503.090.000 đồng, chia ra:

- Kinh phí ngân sách đặt hàng 8 tháng đầu năm 2024: 10.795.511.000 đồng;
- Kinh phí ngân sách đặt hàng 4 tháng cuối năm 2024: 6.680.089.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND của HĐND Thành phố: 12.492.500 đồng;
- Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 14.997.500 đồng.

c) Tổng kinh phí dự toán ngân sách giao không thực hiện chế độ tự chủ (không thường xuyên) là 815.760.000 đồng.

d) Tổng kinh phí quyết toán ngân sách giao không thực hiện chế độ tự chủ (không thường xuyên) là 796.673.000 đồng.

đ) Tổng kinh phí quyết toán ngân sách giảm so với dự toán giao trong năm là 134.303.000 đồng, bao gồm:

- Kinh phí chuyển nguồn sang năm sau là 115.216.000 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND của HĐND Thành phố: 1.330.500 đồng. Do số đối tượng hưởng chính sách thực tế ít hơn so với dự toán;
 - + Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ chuyển nguồn sang năm sau là 113.885.500 đồng. Do thực hiện bù trừ năm học 2023-2024, số đối tượng hưởng chính sách thực tế ít hơn so với dự toán;
- Kinh phí huỷ dự toán 19.087.000 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; học bổng cho người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính là 9.026.000 đồng. Do số đối tượng hưởng chính sách thực tế ít hơn so với dự toán;

+ Kinh phí mua sắm ngoài định mức là 10.061.000 đồng. Do tiết kiệm trong quá trình đấu thầu mua sắm.

e) Tổng số biên chế có mặt đầu năm 76 người/số biên chế theo chỉ tiêu biên chế được giao 85 người; cuối năm có mặt 76 người.

4. Số liệu đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Thành phố năm 2024

4.1. Năm học 2023-2024

a) Số liệu theo Quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo: số 1524/QĐ-SGDĐT ngày 30/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Thành phố năm học 2023-2024; số 2832/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh giá trị đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Thành phố năm học 2023-2024:

- Số lớp: 41.
- Số học sinh: 1.870.
- Giá đặt hàng: 18.049.240.000 đồng/năm học.

b) Số liệu theo biên bản nghiệm thu và quyết toán đặt hàng:

- Số lớp: 41.
- Số học sinh: 1.868.
- Giá đặt hàng: 18.029.936.000 đồng/năm học.

4.2. Năm học 2024-2025

a) Số liệu theo Quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo: số 2120/QĐ-SGDĐT ngày 30/8/2024 về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Thành phố năm học 2024-2025, số 2833/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh giá trị đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Thành phố năm học 2024-2025:

- Số lớp: 43.
- Số học sinh: 1.963.
- Giá đặt hàng: 22.278.087.000 đồng/năm học.

b) Số liệu theo biên bản nghiệm thu đặt hàng (đợt 1):

- Số lớp: 43.
- Số học sinh: 1.963.
- Giá đặt hàng: 7.426.029.000 đồng/4 tháng cuối năm 2024.

- Chênh lệch nguồn ngân sách cấp đặt hàng 4 tháng cuối năm 2024 giữa nghiệm thu với số đã cấp năm 2024 (tăng là số dương, giảm là số âm): 0 đồng (làm căn cứ để thực hiện điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách trong năm 2025).

Handwritten signature/initials

II. NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

1. Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 2.124.266.048 đồng.
2. Trích lập các Quỹ: 4.342.270.479 đồng.
3. Kinh phí dành thực hiện nguồn cải cách tiền lương: 0 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b)

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

a) Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán

Đơn vị nộp báo cáo đảm bảo đúng thời gian quy định.

b) Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán

Đơn vị đã thực hiện in đầy đủ theo quy định.

c) Các khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị

- Về lập dự toán: Đơn vị đã thực hiện theo chế độ quy định;

- Chế độ chi tiêu: Đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện kiểm soát chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; đơn vị đã thực hiện trích lập các quỹ trong năm 2024 theo quy định;

- Chế độ thu: Đơn vị báo cáo đã thực hiện thu học phí, tiền nước uống, dạy thêm học thêm;

d) Hạch toán thu, chi theo mục lục ngân sách nhà nước và niên độ ngân sách: Đơn vị đã thực hiện theo chế độ quy định.

e) Về mua sắm bằng nguồn kinh phí không thường xuyên: Qua kiểm tra hồ sơ và báo cáo của trường: Nhà trường đã tổ chức mua sắm tài sản, thiết bị theo hình thức chào hàng cạnh tranh qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định; đã mua sắm tài sản thiết bị theo dự toán được giao; quy trình thực hiện, hồ sơ sắp xếp lưu trữ cơ bản theo quy định. Nhà trường chịu trách nhiệm toàn diện về quá trình thực hiện, hồ sơ lưu trữ và hồ sơ đã cung cấp để kiểm tra;

Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ kinh phí khắc phục hậu quả do bão số 3 gây ra là 47.000.000 đồng. Nhà trường đã thực hiện, thanh, quyết toán và lưu giữ hồ sơ.

Sở Giáo dục và Đào tạo không tiến hành kiểm tra chi tiết hồ sơ, chứng từ chi từ nguồn kinh phí ngân sách đặt hàng và các nguồn thu của đơn vị. Đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm về hồ sơ, chứng từ thu, chi phát sinh tại đơn vị, việc chấp hành chính sách, chế độ của Nhà nước, tính chính xác, trung thực của thông tin số liệu quyết toán và tính hợp pháp của chứng từ đã tổng hợp báo cáo quyết toán năm 2024.

2. Kiến nghị

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai:

- Thực hiện thanh toán, chi trả các chế độ đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của đơn vị bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo đúng chế độ quy định hiện hành;

- Thực hiện theo dõi, quản lý toàn bộ giá trị tài sản công cụ dụng cụ hiện có của đơn vị theo đúng chế độ quy định. Đối với việc sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết (nếu có) cần thực hiện đầy đủ theo đúng quy định;

- Thực hiện tính các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của cán bộ, giáo viên, nhân viên và lao động hợp đồng đảm bảo đúng chế độ quy định; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo đúng chế độ quy định;

- Thực hiện theo dõi hạch toán các khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị kịp thời đầy đủ, đảm bảo hồ sơ, chứng từ theo đúng thực tế phát sinh tại đơn vị và chế độ quy định hiện hành;

- Thực hiện theo dõi quản lý quỹ tiền mặt, dự toán kinh phí được giao, quỹ tiền gửi của đơn vị kịp thời, đầy đủ, đúng quy định bảo đảm xác định chính xác số dư tiền mặt tại quỹ; số dư tiền gửi và số dư kinh phí dự toán tại ngân hàng kho bạc nơi đơn vị mở tài khoản đúng với thực tế phát sinh tại đơn vị;

- Nhà trường cần cập nhật các văn bản quy định mới được ban hành và đã có hiệu lực triển khai thực hiện. Với các gói thầu nhỏ, có giá trị dưới 50 triệu đồng thực hiện theo khoản 4 Điều 23 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15. Nhà trường khắc phục một số nội dung thực hiện tồn tại theo ý kiến của tổ kiểm tra hồ sơ; sắp xếp, hoàn thiện bổ sung hồ sơ và lưu trữ đầy đủ theo quy định; Tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, thiết bị.

- Thực hiện công khai:

+ Công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 sau khi có Thông báo xét duyệt quyết toán của Sở Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định;

+ Thực hiện công tác công khai của đơn vị đảm bảo đầy đủ và đúng các văn bản quy định hiện hành./. *for value*

Nơi nhận:

- Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai;
- Sở Tài chính;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC *h*



Trần Thế Cường

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 671./TB-SGDĐT ngày 10/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai

Chương: 422

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
A	B	C
	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
01	Doanh thu (01=02+03+04)	18.586.747.675
02	a. Từ NSNN cấp	18.586.747.675
03	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
04	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
05	Chi phí (05=06+07+08)	15.628.525.146
06	a. Chi phí hoạt động	15.628.525.146
07	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
08	c. Chi phí hoạt động thu phí	
09	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	2.958.222.529
	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
10	Doanh thu	4.109.888.100
11	Chi phí	4.907.175.540
12	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	(797.287.440)
	Hoạt động tài chính	
20	Doanh thu	8.496.766
21	Chi phí	727.567
22	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	7.769.199
	Hoạt động khác	
30	Thu nhập khác	
31	Chi phí khác	
32	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	
40	Chi phí thuế TNDN	44.438.240
41	Các khoản phải nộp NSNN khác	
50	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	2.124.266.048
51	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
52	Phân phối cho các quỹ	4.342.270.479
53	Kinh phí cải cách tiền lương	

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2024

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 671../TB-SGDDT ngày 10 / 3 / 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai

Chương: 422

Nguồn: Ngân sách Tỉnh

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Nội dung	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai			
		Tổng số	Loại 070		
			Tổng loại 070	Khoản 074	
A	B	1	2	3	
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC				
01	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	40.683.000	40.683.000	40.683.000	
02	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	40.683.000	40.683.000	40.683.000	
03	- Kinh phí đã nhận				
04	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	40.683.000	40.683.000	40.683.000	
05	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)				
06	- Kinh phí đã nhận				
07	- Dự toán còn dư ở Kho bạc				
08	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	18.393.383.000	18.393.383.000	18.393.383.000	
09	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	17.577.623.000	17.577.623.000	17.577.623.000	
10	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	815.760.000	815.760.000	815.760.000	
11	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	18.434.066.000	18.434.066.000	18.434.066.000	
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	17.618.306.000	17.618.306.000	17.618.306.000	
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	815.760.000	815.760.000	815.760.000	
14	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	18.299.763.000	18.299.763.000	18.299.763.000	
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	17.503.090.000	17.503.090.000	17.503.090.000	
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	796.673.000	796.673.000	796.673.000	

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		
		Tổng số	Loại 070	
			Tổng loại 070	Khoản 074
A	B	1	2	3
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	18.299.763.000	18.299.763.000	18.299.763.000
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	17.503.090.000	17.503.090.000	17.503.090.000
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	796.673.000	796.673.000	796.673.000
20	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	19.087.000	19.087.000	19.087.000
21	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)			
22	- Đã nộp NSNN			
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)			
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)			
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	19.087.000	19.087.000	19.087.000
26	- Đã nộp NSNN			
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)			
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	19.087.000	19.087.000	19.087.000
29	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	115.216.000	115.216.000	115.216.000
30	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	115.216.000	115.216.000	115.216.000
31	- Kinh phí đã nhận			
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	115.216.000	115.216.000	115.216.000
33	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)			
34	- Kinh phí đã nhận			
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc			
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ			
36	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang			
37	Dự toán được giao trong năm			
38	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)			
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng			
40	- Số đã ghi thu, ghi chi			
41	Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)			
42	Kinh phí đề nghị quyết toán			
43	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)			
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI			
44	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)			
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng			

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2024

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số ...6.7.1../TB-SGDDĐT ngày 10 / 3 / 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai

Chương: 422

Nguồn: Ngân sách Tỉnh

Đơn vị tính: Đồng

Phần II - CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Phân II - CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN					Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai					Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
Loại	Khoản	Mức	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Vay nợ nước ngoài		
						Ngân sách trong nước	2	3			
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	
				Tổng số:	18.299.763.000	18.299.763.000					
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	17.503.090.000	17.503.090.000					
070	074			Giáo dục trung học phổ thông	17.503.090.000	17.503.090.000					
		6000		Tiền lương	6.569.255.510	6.569.255.510					
			6001	Lương theo ngạch, bậc	6.569.255.510	6.569.255.510					
		6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	457.181.900	457.181.900					
			6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	457.181.900	457.181.900					
		6100		Phụ cấp lương	3.166.845.000	3.166.845.000					
			6101	Phụ cấp chức vụ	87.626.000	87.626.000					
			6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	34.750.800	34.750.800					
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.883.657.100	1.883.657.100					
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	18.497.500	18.497.500					
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	1.012.345.300	1.012.345.300					

25

Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai										
Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn nhĩ được kế toán để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6123	Phụ cấp công tác Đảng, Đoàn thể chính trị - xã hội	76.947.300	76.947.300				
			6149	Phụ cấp khác	53.021.000	53.021.000				
		6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	12.492.500	12.492.500				
			6156	Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	12.492.500	12.492.500				
		6300		Các khoản đóng góp	1.749.588.400	1.749.588.400				
			6301	Bảo hiểm xã hội	1.221.892.500	1.221.892.500				
			6302	Bảo hiểm y tế	241.018.100	241.018.100				
			6303	Kinh phí công đoàn	204.485.200	204.485.200				
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	82.192.600	82.192.600				
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	142.818.410	142.818.410				
			6501	Tiền điện	104.194.210	104.194.210				
			6502	Tiền nước	38.624.200	38.624.200				
		6550		Vật tư văn phòng	108.411.800	108.411.800				
			6551	Văn phòng phẩm	43.755.000	43.755.000				
			6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	6.688.000	6.688.000				
			6599	Vật tư văn phòng khác	57.968.800	57.968.800				
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	33.315.567	33.315.567				
			6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	6.539.351	6.539.351				
			6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cấp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	1.376.216	1.376.216				
			6618	Khoản điện thoại	25.400.000	25.400.000				

Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai											
Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Vay nợ nước ngoài	Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ				
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	
		6650		Hội nghị	2.700.000	2.700.000					
			6651	In, mua tài liệu	2.700.000	2.700.000					
		6700		Công tác phí	132.588.600	132.588.600					
			6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	52.195.200	52.195.200					
			6702	Phụ cấp công tác phí	78.143.400	78.143.400					
			6704	Khoản công tác phí	2.250.000	2.250.000					
		6750		Chi phí thuê mướn	100.300.000	100.300.000					
			6751	Thuê phương tiện vận chuyển	47.300.000	47.300.000					
			6757	Thuê lao động trong nước	53.000.000	53.000.000					
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	54.175.000	54.175.000					
			6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	54.175.000	54.175.000					
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	501.329.321	501.329.321					
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	42.589.021	42.589.021					
			7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	18.000.000	18.000.000					
			7049	Chi khác	440.740.300	440.740.300					
		7750		Chi khác	129.817.513	129.817.513					
			7756	Chi các khoản phí và lệ phí	114.820.013	114.820.013					
			7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	14.997.500	14.997.500					
		7950		Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	4.342.270.479	4.342.270.479					
			7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	1.302.600.000	1.302.600.000					

Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai															
Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Viện trợ	Vay nợ nước ngoài	Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại			
						Ngân sách trong nước	2	3					4	5	6
A	B	C	D	E	I	2	3	4	5	6					
			7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	1.736.908.000	1.736.908.000									
			7953	Chi lập Quỹ khen thưởng	217.311.000	217.311.000									
			7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1.085.451.479	1.085.451.479									
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	796.673.000	796.673.000									
070	074			Giáo dục trung học phổ thông	796.673.000	796.673.000									
		6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	41.734.000	41.734.000									
			6151	Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)	15.184.000	15.184.000									
			6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	26.550.000	26.550.000									
		6750		Chi phí thuê mướn	47.000.000	47.000.000									
			6799	Chi phí thuê mướn khác	47.000.000	47.000.000									
		6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	459.558.000	459.558.000									
			6954	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	252.405.000	252.405.000									
			6955	Tài sản và thiết bị văn phòng	84.973.000	84.973.000									
			6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	122.180.000	122.180.000									
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	229.204.000	229.204.000									
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	229.204.000	229.204.000									
		7750		Chi khác	19.177.000	19.177.000									
			7756	Chi các khoản phí và lệ phí	19.177.000	19.177.000									